

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 01 /TBHH-TCTBDATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 01 năm 2023.

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của khu nước trước cầu cảng 50.000 DWT, bến sà lan
1.000 DWT và 2.000 DWT cảng Tân Cảng Hiệp Phước

HCM – 01 – 2023

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Soài Rạp.

Căn cứ Đơn đề nghị số 3771/TCg-KHĐT nhận ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải khu nước trước cầu cảng 50.000 DWT, bến sà lan 1.000 DWT và 2.000 DWT cảng Tân Cảng Hiệp Phước.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của khu nước trước cầu cảng 50.000 DWT, bến sà lan 1.000 DWT và 2.000 DWT cảng Tân Cảng Hiệp Phước như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu cảng 50.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

a. Khu vực 1

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10°39'01,6"N	106°44'29,1"E	10°38'57,9"N	106°44'35,6"E
A2	10°39'00,9"N	106°44'29,9"E	10°38'57,2"N	106°44'36,3"E
A7	10°39'02,0"N	106°44'31,0"E	10°38'58,4"N	106°44'37,5"E
A8	10°39'03,6"N	106°44'29,4"E	10°38'59,9"N	106°44'35,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5,2 m.

b. Khu vực 2

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A2	10°39'00,9"N	106°44'29,9"E	10°38'57,2"N	106°44'36,3"E
A3	10°38'56,6"N	106°44'34,4"E	10°38'52,9"N	106°44'40,8"E
A6	10°38'57,7"N	106°44'35,5"E	10°38'54,1"N	106°44'42,0"E
A7	10°39'02,0"N	106°44'31,0"E	10°38'58,4"N	106°44'37,5"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 6,0 m.

c. Khu vực 3

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A3	10°38'56,6"N	106°44'34,4"E	10°38'52,9"N	106°44'40,8"E

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A4	10°38'51,7"N	106°44'39,4"E	10°38'48,1"N	106°44'45,9"E
A5	10°38'52,0"N	106°44'41,6"E	10°38'48,3"N	106°44'48,0"E
A6	10°38'57,7"N	106°44'35,5"E	10°38'54,1"N	106°44'42,0"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 2,0 m.

d. Khu vực 4

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A8	10°39'03,6"N	106°44'29,4"E	10°38'59,9"N	106°44'35,9"E
A6	10°38'57,7"N	106°44'35,5"E	10°38'54,1"N	106°44'42,0"E
A10	10°39'02,4"N	106°44'39,6"E	10°38'58,7"N	106°44'46,1"E
BT7'	10°39'07,2"N	106°44'34,0"E	10°39'03,6"N	106°44'40,5"E
BT8'	10°39'09,0"N	106°44'31,2"E	10°39'05,4"N	106°44'37,7"E
A9	10°39'09,4"N	106°44'30,8"E	10°39'05,7"N	106°44'37,3"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 6,8 m.

e. Khu vực 5

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A6	10°38'57,7"N	106°44'35,5"E	10°38'54,1"N	106°44'42,0"E
A5	10°38'52,0"N	106°44'41,6"E	10°38'48,3"N	106°44'48,0"E
A11	10°38'53,9"N	106°44'49,4"E	10°38'50,2"N	106°44'55,8"E
A10	10°39'02,4"N	106°44'39,6"E	10°38'58,7"N	106°44'46,1"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau: Xuất hiện điểm độ sâu 2,0 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
2,0	10°38'52,6"N	106°44'41,6"E	10°38'48,9"N	106°44'48,1"E

Ngoài điểm độ sâu trên, độ sâu khu nước đạt 2,4 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến sà lan 2.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B1	10°38'50,6"N	106°44'39,8"E	10°38'47,0"N	106°44'46,3"E
B2	10°38'50,2"N	106°44'41,1"E	10°38'46,6"N	106°44'47,6"E
B3	10°38'45,6"N	106°44'36,1"E	10°38'41,9"N	106°44'42,5"E
B5	10°38'46,9"N	106°44'35,8"E	10°38'43,2"N	106°44'42,2"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 1,4 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến sà lan 1.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B5	10°38'46,9"N	106°44'35,8"E	10°38'43,2"N	106°44'42,2"E
B4	10°38'46,2"N	106°44'35,9"E	10°38'42,6"N	106°44'42,4"E
B6	10°38'42,7"N	106°44'32,1"E	10°38'39,0"N	106°44'38,6"E
B7	10°38'43,8"N	106°44'31,9"E	10°38'40,1"N	106°44'38,4"E
B8	10°38'47,3"N	106°44'35,8"E	10°38'43,7"N	106°44'42,2"E
B9	10°38'47,2"N	106°44'36,1"E	10°38'43,6"N	106°44'42,5"E

Độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt - 0,6 m (cao hơn mực nước “số 0 hải đồ”).

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu TCHP_2212_01, tỷ lệ 1/1000; TCHP_2212_02, tỷ lệ 1/500 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 12 năm 2022.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn⁽¹⁾./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I;
- Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH^{Bảng}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Chi Cục đường sông phía Nam
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Bộ đội biên phòng thành phố Hồ Chí Minh
- 13 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 27 CN 1 – Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 28 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 29 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I
- 30 Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng
- 31 Sở GTVT & Sở NN&PTNN TP.HCM
- 32 Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

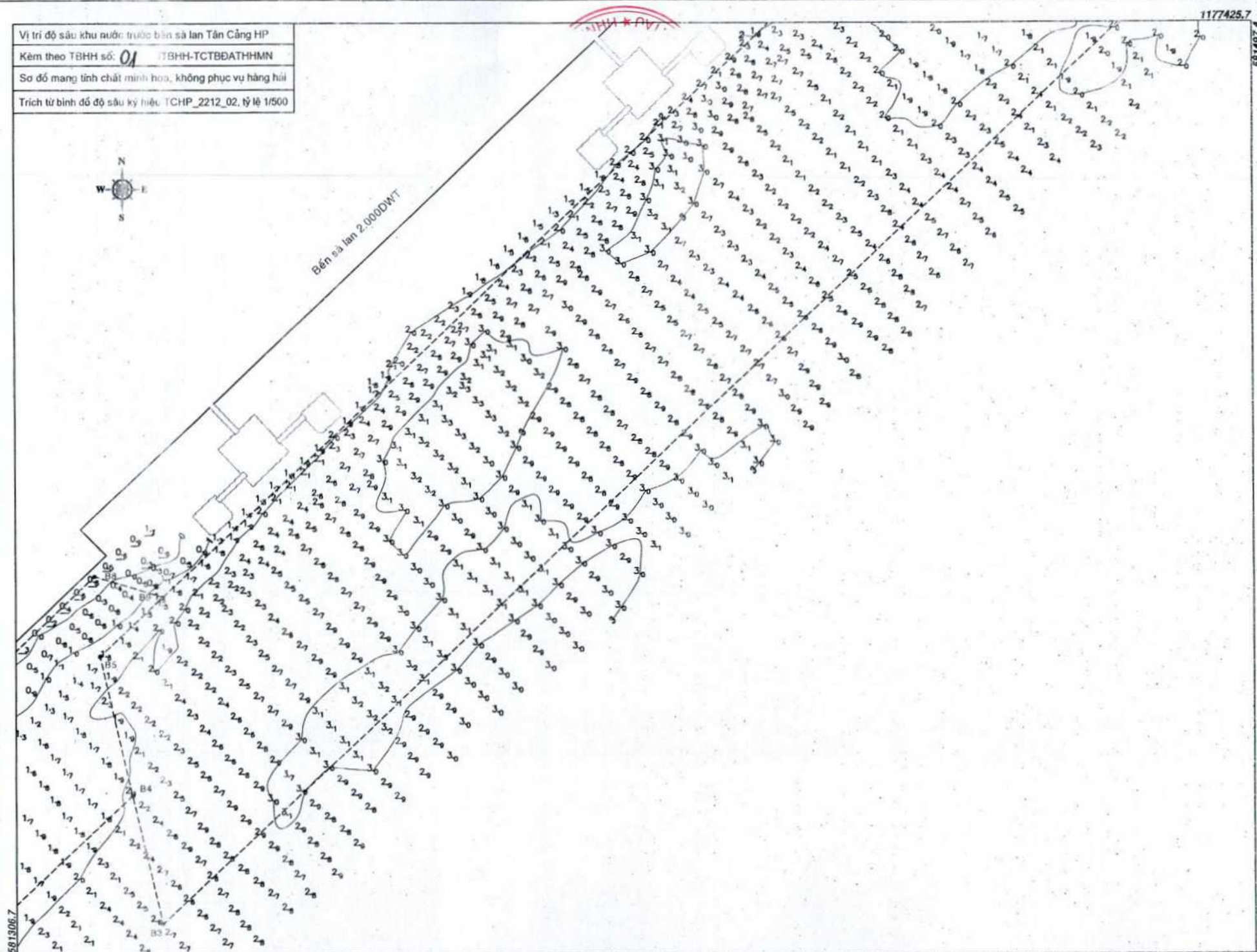


Vị trí độ sâu khu nước trước cầu cảng 50.000 DWT
 Kèm theo TBHH số: 01 /TBHH TCTĐATHHVN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu TCHP 2212_01, tỷ lệ 1/1.000
 1177471.8

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu TCHP_2212_02, tỷ lệ 1/500



Bến sà lan 2.000DWT



Kinh tuyến trục 106 độ, mũi chiều 3 độ